

KONTUM - MỘT ĐỊA DANH MANG TÍNH DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

NGUYỄN HỒNG SƠN^(*)

I. ĐẶT TÊN VÀ Ý NGHĨA ĐỊA DANH NƠI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Đối với người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, việc đặt tên làng rất quan trọng, vì nó nối kết với thế giới yang, hôn; nói cách khác với thế giới "*iôn tâu*" (bên kia) như người Bana, Rongao thường nói. Chúng ta điếm qua một số nền tảng, tiêu chuẩn đặt tên buôn làng trước khi đi sâu vào sự hình thành địa danh Kon Tum.

1 - Nền tảng việc đặt tên - ý nghĩa của địa danh buôn làng nơi người dân tộc thiểu số nói riêng

1.1. Nhưng nguyên tắc, nền tảng để đặt tên buôn làng

Người dân tộc thiểu số tại Tây Nguyên quan tâm đặc biệt đến những vật thể hoặc con người cụ thể gắn với cuộc sống như đồ vật, đất đá, sông suối, ao hồ, rừng núi - bao quanh họ để đặt tên cho buôn làng thân yêu của mình. Nhưng tất cả đều liên quan tới một yếu tố căn bản, đó là mối tương quan với thế giới bên kia, với yang.

Để phần nào hiểu về vấn đề nối kết giữa thế giới này với thế giới bên kia, chúng tôi xin ghi lại vài đoạn của Linh mục J. Kemlin trong sách "Les songes et leur interprétation" chez les Reungao, Hà Nội, năm 1910, trang 17 như sau:

"*Iôn kô*" hay "*iôn tau*" là "từ bên này" cũng như "từ bên kia" mà chính hôn thấy, và hành động trực tiếp hoặc gián tiếp qua thân xác. Như vậy, có những lí do để tin vào hiện thực của giấc chiêm bao của chúng ta, cũng như có những lí do để tin vào tính khách quan của điều ta thấy, nghe và hành động trong trạng thái thức vậy (...)"

"(...) Tuy nhiên, chúng ta cũng lưu ý là nền tảng của lòng tin này còn sâu xa hơn, và được đặt trên quan niệm lấy cái tôi làm chuẩn', mà người thượng gán cho vũ trụ. Khi thấy vô số sự bất bình đẳng và những chuyện kì quặc của thiên nhiên làm cho họ không giải thích nổi, tự nhiên họ đâm ra tưởng tượng nguyên nhân của chúng nằm trong biện chứng nội tại nơi từng sự vật, một sự xung đột biến đổi từng ngày và từng hoàn cảnh, như tính khí của người vậy. Nói tắt, họ đã thấy trong mọi vật thể một chủ thể được sinh động như họ và có cùng đam mê như họ".

Nói cách khác, tất cả mọi vật đều có nguyên lí sống động và tác động đối với thế giới con người. Cái nguyên lí đó là "hôn" được người Rongao gọi là "mơhol", người Bahnar gọi là "pơnggol" hay "pơngol", người Sêdang dơdrah gọi là

*. Linh mục, Giáo phận Kon Tum.

"mơhua" và người Jrai gọi là "mơgắt". Sức lực của nguyên lí sống động đó được gọi là "ai". "Ai" của con người có tác động ảnh hưởng trên con vật và đồ vật, và ngược lại. "Ai" của con vật hoặc đồ vật hợp với "ai" của người nào đó, mọi sự đều tốt đẹp; còn ngược lại sẽ đổ vỡ, bất thành, là không ích lợi. Với quan niệm đó, việc đặt tên buôn làng rất quan trọng để cho có sự hòa hợp giữa các "ai" với nhau, nghĩa là giữa các hồn với nhau.

Mặt khác, cũng theo quan niệm của người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, một người giàu có, một người tài giỏi, một người đứng đầu, một thủ lĩnh, một ông vua chẳng những có một "mơhol" chính, mà còn nhiều "mơhol" phụ, tự như đoàn quân gìn giữ nhà cửa tài sản. Hồn của họ sau khi ra khỏi thân xác có thể thành một loại thần, dân làng có thể kêu khẩn, trong khi đó, hồn của thứ dân xuống "mang lung" (Âm ti). Do đó, người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thường đặt tên làng theo tên người lập làng cũng là việc thích hợp và hữu ích để "ai" của ông giúp dân làng do người đó đã vất vả xây dựng.

Ngoài ra, nơi sông suối, ao hồ, núi rừng, cây cối và cả đất đá, v.v... cũng có thể có yang trú ngụ. Cần cúng cho các yang để các yang tốt giúp đỡ cho dân làng hoặc để vô hiệu các yang xấu. Vì thế, cần một kết giao với các yang để con người được bảo hộ sống an vui hạnh phúc⁽¹⁾. Do quan niệm đó, người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thường dùng tên sông, suối, ao hồ nơi họ sinh sống để đặt cho tên làng.

1.2. Phân loại các địa danh buôn làng theo một số tiêu chuẩn cụ thể

- **Đặt tên làng thêm tên chủ làng**, nói đúng hơn là gọi tên con của chủ làng, ví

dự: làng của linh mục (hoặc mẹ) trưởng (ông, bà...):

+ Bon ama Djơng (làng của linh mục ông Djơng);

+ Bon ama H'Nher (làng của linh mục bà H'Nher);

+ Bon mi Hoanh (làng của mẹ ông Hoanh);

+ Ban mi (mê) Thuật (làng của mẹ ông Thuật).

(cũng có lúc gọi Buôn ma Thuật "làng của linh mục ông Thuật")

- **Đặt tên làng theo tên chủ làng** và được xác định rõ hơn bằng vùng đất đó như thế nào.

+ Bon Rưng ma Rin (làng có đất sỏi đá của linh mục ông Rin);

+ Plei Rơngol ama Drung (làng cũ của linh mục ông Drung).

- **Tên làng theo phương hướng vùng đất**

+ Pleiku (làng đuôi) (có dịp sẽ bàn thêm về ý nghĩa);

+ Pleiku Roh (làng ngoài bờ);

+ Pleiku Ngo (làng phía đông Pleiku)

- **Tên làng theo thổ sản:**

Đa số dân làng người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên sống với 2/3, nếu không nói là đa phần bằng thổ sản của rừng núi và họ đặt **tên làng theo thổ sản đặc trưng** đó:

+ Dak Sut (làng có nhiều mật ong);

+ Kon Tơneh (làng có nhiều mây);

+ Kon Xơmluh (làng có nhiều cây như cây le);

1. Xem tài liệu nghiên cứu "Alliances chez les Reungao", BEFEO, tập X, số 3, tháng 7-9 năm 1910 của J. Kemlin.

- + Kon Klor (làng có nhiều cây gạo)
- + Plei Kōbei (làng có nhiều trâu rừng).
- + Ploi Pa Oī Briu cũng gọi là Ploi chroh Tonung (làng hồ có loại cây Tonung)

- Tên làng dựa vào loại đất, đá:

- + Plei Kly (Plei Toly: làng có nhiều đá).

- Dựa vào sông suối, núi rừng:

- + Bon chroh Kōnong (làng suối Kōnong);
- + Đak Tô (làng có suối nước nóng);
- + Dak Tōkan (làng sông Tōkan);
- + Plei Athai (làng ở núi Chư Athai)
- + Kon Tum (làng có hồ, làng hồ).

2. Hình thành địa danh Kon Tum

Theo nguyên ngữ Kontum

Kon: làng; Tum: Hồ;

Kon Tum là Làng Hồ.

Tuy nhiên, tầm nguyên địa danh Kontum theo khía cạnh chuyển hóa như thế nào trong lịch sử của nó không phải là việc đơn giản, nhất là địa danh mang nhiều khía cạnh thời cuộc như địa danh Kontum.

Thật vậy, khi các vị thừa sai đặt chân đến làng Breng, sau được đổi là Rōhai (nhiều lần đổi tên, sau cùng vào năm 1926 được đổi thành Tân Hương) vào những năm 1851-1852 chưa có làng Kontum. Khi đặt xong cơ sở ở Rōhai, Linh mục Do nghĩ ngay cần tạo lập các nông trường để tự cung cấp, đồng thời là môi trường định canh định cư để nâng cao đời sống dân sinh, văn minh cho các anh em người dân tộc thiểu số nơi đây, trước mắt cho những người dân tộc mới tông giáo và như tiền đề

cho các làng dân tộc khác noi theo. Ngài lần lượt mở ra các nông trường như Dak Kām và vùng đất DAK TUM phía đông Rōhai. Ngoài ra, Linh mục nổi rộng phạm vi hoạt động truyền giáo và cùng với thầy Thám, em ruột của Linh mục và thầy Lai đưa người nhà cũng như một số bị nô lệ được chuộc lại đến phát rẫy bên bờ hồ Dak Tum, cách Rōhai hơn 1 cây số về hướng đông. Gần đó có làng nhỏ người dân tộc, gọi là làng Mōer, do hai anh em Jrōng và Uōng, con bà Yă Xi, cầm đầu. Gia đình này nguyên trước đó ở làng Kontrang-Ôr trên bờ sông Bla, hiện giờ là Chuah-Oreng, mà người Kinh gọi là Chả-Reng, dưới chân núi Chư Reng (Chư được người Bình Định đọc thành Chả). Kontrang Ôr khá lớn do các ông Mung, Bung và Loih lãnh đạo. Nhưng người này tính khí hung tợn, tàn bạo thường khiêu chiến với bên ngoài và hà hiếp dân làng. Do đó, hai ông Jrōng và Uōng tìm cách ra khỏi làng và đến lập làng Mōer nơi hồ Dak-Tum.

Khi cơ sở do thầy Thám xây dựng bên bờ hồ Dak-Tum đã hình thành, có nhà ở, có rẫy lúa, có dân cư, Linh mục Hòa từ vùng người Pnong (cũng gọi là Mnong vùng Dak-Lak ngày nay), vì không thể tiếp tục ở Trung tâm Truyền giáo Pnong, đã dẫn một số gia đình người Pnong thật sự tông giáo và người giúp việc cùng kẻ ăn người ở cũng như một số thầy giảng về Trung Tâm Truyền Giáo Rōhai⁽²⁾. Linh mục Bế Trên phái Linh mục Hòa làm phó cho Linh mục Do, phụ trách khu vực mới khai khẩn Dak-Tum vào năm 1856.

2. Xem: Hlabar Tōbang, của giáo phận Kontum, năm 1918, tr. 65-66; và năm 1917, tr. 45-48.

Linh mục Hòa rất được đồng bào Kinh và dân tộc thiểu số mến phục. Làng Môer về ở với Linh mục. Dần dần làng Kontrang-Ôr không chịu được thái độ hung hãn của các tên đầu sỏ trong làng, cũng kéo về sáp nhập xóm Dak-Tum của Linh mục, thành một làng lớn. Từ đó, Dak-Tum được đổi thành làng Kontum cho đến ngày nay.

II. NHỮNG YẾU TỐ CẤU TẠO LÀM CHO ĐỊA DANH KONTUM TRỞ NÊN QUAN TRỌNG TRONG TOÀN VÙNG TRUYỀN GIÁO

Trong những thế kỉ trước, ngay cả trong thế kỉ XIX có những vùng quan trọng như Ayonapar của hai vị Vua Lửa, vua Nước, An Sơn (An Khê ngày nay). Ngay trong cùng khu vực truyền giáo, làng Rơhai vào những năm lập vùng truyền giáo cho người dân tộc Bahnar (1851-1888) vẫn có tầm mức vượt trội hơn làng Kontum nhỏ bé. Vậy đâu là những nhân tố để làng Kontum dần dần chiếm lĩnh vai trò chủ đạo trong cả vùng truyền giáo cho các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên? Để có một tầm nhìn tổng hợp, chúng tôi xin lần lượt trình bày về Trung tâm Truyền giáo cho người Bahnar-Rơngao, đó là RƠHAI và sau đó trình bày một số góc cạnh khả dĩ thay đổi từ một làng KONTUM nhỏ bé trở thành một địa danh quan trọng trong toàn vùng Truyền giáo.

1 - Trung tâm Truyền giáo Rơhai cho người Bahnar-Rơngao:

1.1. Các giai đoạn phát triển của Trung tâm Truyền giáo Rơhai:

- Giai đoạn nguyên sơ (1851-1871)

Trong giai đoạn đầu của công cuộc truyền giáo tại vùng người dân tộc Bahnar-Rơngao, Rơhai chiếm một vị trí quan trọng. Khi các vị thừa sai tìm ra được vùng đất bằng, rộng bên hữu ngạn sông Dak-Bla, như Giám mục Cuênot Thế, Đại diện Tổng tòa Đông Đàng Trong đã lưu ý các linh mục nên tìm mua một ngôi nhà gỗ của người dân tộc tại làng Breng. Linh mục Desgouts và thầy sáu Do nhận thấy dân làng Breng vốn là dân tứ chiếng, mê tín dị đoan và có nhiều tật xấu, nên quyết định lập một làng mới, gần đó, gọi là Rơhai, gồm vài người Kinh, vốn là người nhà của Linh mục và vài người dân tộc.

Trong khi thầy sáu Do về Gò Thị (Bình Bình) chuẩn bị thụ phong linh mục (từ 1852) đến khi tân linh mục trở về vùng Bahnar (thụ phong linh mục tháng 7 năm 1853), Linh mục Desgouts đảm trách mục vụ và chuẩn bị xây dựng cơ sở cho chủng viện tương lai. Khi Linh mục Do lên vùng Truyền giáo với tư cách một vị tân linh mục, ngài xúc tiến tạo lập thôn làng trong hướng "*định canh định cư*" và Rơhai là nông trường đầu tiên được tổ chức ở đây. Mùa lúa thu hoạch khá khá, đời sống xã hội, tôn giáo tương đối ổn định. Do đó, dần dần dân các làng khác đến xin nhập làng để sinh sống. Trong thời gian này, các linh mục cũng có chuộc lại một số người Kinh bị người dân tộc bắt làm nô lệ⁽³⁾ và ngay cả người dân tộc bị bắt làm nô lệ cũng được chuộc về, dạy họ làm ruộng rẫy bằng

3. J.B. Guerlach. "*L' oeuvre néfaste*", Sài Gòn, 1906, tr. 27.

- Xem thêm Dourisboure. *Les sauvages Bahnars*, tr. 151-152.

phương pháp hiệu quả hơn là chọc trả kiểu du canh du cư.

Cho nên trong giai đoạn đầu (vào những năm 1851-1871), về địa bàn dân cư, RƠHAI gồm:

- + Khu vực nhà thờ và nhà xứ Tân Hương hiện nay;
- + Khu vực Trường Têrêxa và hội trường Bok Do (nay là trường và nhà văn hóa);
- + Phía nam giáp sông Dak-Blah (nay thường gọi là Dak-Bla);
- + Phía bắc giáp đường Ngô Quyền.

Giai đoạn hai (1871-1912)

Bắt đầu có nhiều người Kinh, Rơhai nói rộng ra gọi là Xóm Mới. Những người Kinh này chủ yếu là những người trốn tránh các cuộc bách hại đạo tại địa phận Đông Đăng Trong (sau được gọi là Quy Nhơn vào năm 1824), gồm một số gia đình thuộc họ Đồng Hầu, Đồng Quả. Họ qua ngã Ngải Điền, rồi vượt qua Trại Gò (Cửu An, đông bắc An Khê ngày nay), mon theo đường đến Rơhai. Trong các chuyến đi này, thường là các linh mục đi trước. Vào năm 1873, số người Kinh sinh sống tại đây là 542 người, thành lập họ đạo và được gọi là Trại Lý. Và vào năm 1909, Linh mục Bê Trên Truyền đặt cho một tên khác theo thổ sản là Gò Mít⁽⁴⁾.

Giai đoạn ba (1912-1932).

Giai đoạn này, vùng đất dân cư họ Rơhai nói rộng thêm từ nhà thờ chạy giáp làng Phương Nghĩa (Họ Phương Nghĩa hình thành dần dần từ 1870-1880)⁽⁵⁾; nam giáp làng Kon Hơra, bắc giáp đường Trần Hưng Đạo đầu trên và Nguyễn Đình Chiểu phía đầu dưới. Từ

nhà thờ Tân Hương đến giáp Phương Nghĩa gọi là Xóm Trên thuộc giáo xứ Tân Hương.

Giai đoạn bốn (1932-1947)

Làng dân tộc Rơhai bên này sông phải dời sang bên kia sông (tả ngạn sông Dak-Blah, chỗ hiện tại) vào năm 1931. Làng Dơngơng sáp nhập với Plei Tongia. Tiểu đoàn Sơn Cước BT MSA do quân đội Pháp thành lập chiếm trọn khu vực nằm phía tây đường Trần Phú. Phía đông đường Trần Phú giao cho địa sở Tân Hương để thiết lập cơ sở văn hóa giáo dục.

Giai đoạn năm (1947-1975)

Theo đà tiến của địa phương, đồng bào công giáo người Kinh cư ngụ khắp nơi trong thị xã, thuộc giáo xứ Tân Hương (chính thức đặt tên Tân Hương vào năm 1926) và trong giai đoạn này giáo xứ không còn giới hạn trong phạm vi "Xóm Dưới", "Xóm Trên" nữa, mà đã bao trùm cả Trung Lương, Lương Khế, Vô Lâm. Tuy nhiên, về phương diện hành chính, ranh giới của làng Tân Hương không thay đổi.

4. Theo tài liệu viết tay trước 1975 của Phú (người Tân Hương), Rơhai vào năm 1873 có 542 người. Theo tài liệu "Phong Giám mục cho Janin, ngày 23/5/1933, trang 12. Số giáo dân năm 1870-1875 là 900 người trong toàn vùng Truyền giáo Kontum.

5. Theo sổ rửa tội quyển I của họ Phương Nghĩa, ngày 30 tháng 03 năm 1910, là người mang số 45. Xem thêm: *Echos de la Mission*, của Vùng Truyền giáo Kontum, tháng 12/1947 và tháng Giêng năm 1948, trang 7: Họ đạo Phương Nghĩa hình thành giữa năm 1870 và 1880. Từ đầu đến năm 1963, họ đạo Kontum Konam và Kontum Kơpong là người dân tộc và Phương Nghĩa là người Kinh thuộc chung một giáo xứ là Kontum. Đến năm 1963 giáo xứ Kontum mới tách thành hai giáo xứ: một cho người dân tộc là KONTUM do Linh mục thừa sai Deslinh phụ trách chính xứ, còn giáo xứ Phương Nghĩa do Linh mục Giuse Nguyễn Hữu Nghị, chính xứ đảm trách.

Giai đoạn sáu (1975-2000)

Sau biến cố tháng 3 năm 1975, vùng đất thuộc giáo xứ Tân Hương quản lý phải thu hẹp lại như hiện trạng hôm nay.

1.2. Về cơ sở tôn giáo

Vào năm 1853, Linh mục Do từ khi lên lại Rôhai đã bắt tay xây dựng một nhà thờ theo dáng nhà dân tộc cũng khá rộng rãi và đẹp mắt.

Năm 1858, nhà thờ này bị hỏa hoạn vào dịp Giáng sinh. Năm 1860, với sự đóng góp của các gia đình công giáo, một nhà thờ thứ hai hoàn thành, không đẹp, có tính cách tạm bợ.

Năm 1869, một nhà thờ lớn, kiên cố được khởi công xây dựng. Toàn thể gia đình Công giáo người Kinh cũng như người dân tộc góp công sức tìm các danh mộc, đốn và chuyển về, thuê thợ giỏi xây dựng. Năm 1871, nhà thờ mới được dựng lên: rui mè lợp xong, ván chưa lót, cửa chưa dựng, vách chưa trét chưa tô. Năm 1872, vì tuổi già, Linh mục Do về dưỡng bệnh và qua đời sau đó tại Đồng Hâu, quê nhà. Linh mục Hugon (Linh mục Xuân) thay Linh mục Do. Cũng trong năm đó (1872) giặc Kon Koban xuống đánh Rôhai, cướp phá, nên mãi đến năm 1876, nhà thờ mới hoàn thành và được Linh mục Bê Trê-nơ Dourisboure Ân lâm phép nhà thờ mới.

Năm 1902, Linh mục Ngự (Linh mục Demeure) hạ nhà thờ này để làm lại nhà thờ mới. Nhà thờ này chính là nhà thờ hiện nay, chưa có mặt tiền. Năm 1916, nhà thờ được tu sửa lần thứ nhất đời Linh mục Hiền (Linh mục Alberty); tu sửa lần hai vào năm 1926: mặt tiền xây bằng gạch giữ nguyên trạng cho đến nay. Mới

đây có tu sửa nhỏ để tránh mục nát mặt tiền và gia cố phần chân đế các trụ nhà, nhưng vẫn giữ nguyên cấu trúc và dáng dấp xưa.

Ngoài ngôi thánh đường cổ kính và được xây dựng nhiều đợt, Tân Hương cũng là nơi được đầu tư nhiều cơ sở văn hóa của vùng Truyền giáo như dự định của Giám mục Cuênot Thê thiết lập chủng viện trên vùng cao được giao cho Linh mục Desgouts thực hiện. Vào năm 1900, đã tổ chức các lớp dạy văn hóa, xóa nạn mù chữ cho giới thanh niên nam nữ người dân tộc. Năm 1931, Linh mục Alberty Hiền xây cất trường Tê-rê-xa bên phía tây nhà thờ và giao cho các nữ tu Mến Thánh Giá Gò Thị điều khiển. Ít năm sau, vào năm 1940, trường được giao lại cho dòng Bác Ái Vinh Sơn phụ trách, dành cho nữ sinh, và sau đó, linh mục sở cho mở thêm một trường cho nam sinh.

2. Địa danh "Kontum" với những nhân tố đặc thù

Nhìn chung, từ nhân sự, cơ sở tôn giáo chưa kể cơ sở hành chính dân sự, sinh hoạt kinh tế từ các năm cuối thế kỷ XIX đến nay đều nằm trong cùng địa bàn dân cư là Trung tâm Truyền giáo Rôhai - sau này đổi thành Tân Hương. Nhưng vì những nguyên nhân nào, làng Kontum từ một nông trường, lúc khai lập còn lệ thuộc vào Rôhai về khía cạnh tôn giáo, xa khu vực hành chính và kinh tế dần dần đã trở nên quan trọng, đến nỗi sau này nó trở nên một địa danh quan trọng nhất của toàn vùng xét khía cạnh tôn giáo và hành chính dân sự ? Đây là những yếu tố tạo nên truyền thống vững chắc để địa danh "Kontum" còn sống mãi và trở nên một huyền thoại mang một

sức sống nội tại cho cả vùng Truyền giáo Tây Nguyên, làm say mê cho nhiều nhà nghiên cứu trong cũng như ngoài nước? Chúng tôi xin trả lời những câu hỏi này trong phần trình bày sau đây.

2.1. Giai đoạn 1851-1888

Kontum khởi đầu nhỏ bé, chỉ là nông trại sản xuất nông sản và là một họ nhánh của Trung tâm Truyền giáo Rôhai⁽⁶⁾. Tuy nhiên, họ đạo Kontum cũng có những yếu tố địa lí, con người và tôn giáo làm cho nó dần dần chiếm giữ vai trò chủ đạo toàn miền truyền giáo.

+ Vùng đất - địa lí

Xét về phương diện vùng đất, làng Kontum mới được khai hoang, đất rộng, màu mỡ thuận lợi cho canh tác như bằng, có nhiều nước, không bị úng, khả dĩ tự cung tự cấp cho họ đạo. Ngoài ra, địa bàn nông trại Kontum có nhiều mặt bằng thuận tiện để xây dựng các cơ sở cần thiết cho toàn vùng Truyền Giáo sau này như chủng viện, Tòa Giám mục, các dòng tu, cơ sở giáo dục, v.v... cấp địa phận. Vả lại, vùng đất này có triển vọng mở rộng an toàn đón nhận số anh em dân tộc từ phía đông và đông bắc của Trung tâm Truyền giáo Rôhai.

+ Về mặt an ninh. Vùng đất làng Kontum nhờ có sông Dak-Bla bao quanh phía đông và đông bắc, tránh được những vụ cướp bóc như Rôhai đã bị vào năm 1876.

+ Yếu tố con người linh mục: Linh mục Hòa.

Yếu tố con người rất quan trọng để định vị cho làng Kontum sau này. Đó là vai trò của các linh mục phụ trách họ đạo này: trước hết là Linh mục Hòa, sau

đó là vai trò quốc tế của Linh mục Bê trên Linh mục Vialleton Truyền, Đại diện Giám quản Tông tòa Đông Đàng Trong (1882-1909).

Thật vậy, trong suốt thời gian 1856 - 1861, Linh mục Hòa, một linh mục bản xứ được mọi người mến phục, đã xây dựng thành công một làng đoàn kết, một họ đạo có truyền thống, nề nếp và sốt sắng. Linh mục đã tạo lập được một cộng đoàn tín hữu người dân tộc từ năm đầu tiên (1856) khi đặt trên đất Rôhai, đó là số người dân tộc Pnong theo ngài về vùng Truyền giáo Bahnar-Rongao. Trong khi đó, người dân tộc làng Rôhai mãi đến năm 1875 mới tòng giáo. Số giáo dân người Kinh tại Kontum được hình thành lâu, bắt đầu từ năm 1870, trong khi đó họ đạo người Kinh tại Trung tâm Truyền giáo Rôhai hình thành vào năm 1874 với tên là Trại Lý⁽⁷⁾ (Tân Hương ngày nay). Nói cách khác, cộng đoàn dân tộc và người Kinh tại họ Kontum tòng giáo và hình thành sớm hơn và nền nếp hơn Trung tâm Truyền giáo Rôhai. Có thể đưa ra một số lí do như sau: một mặt, người dân tộc tại Trung tâm Rôhai thuộc nhiều thành phần đến, nhất là bị ảnh hưởng dân làng Breng tứ chiếng, ô tạp, mê tín dị đoan sống bên cạnh và cũng

6. Xem: Dourisboure. "Les sauvages Bahnars", tr. 255.

Linh mục Do cất cử thầy Thám, em ngài phụ trách khai khẩn nông trường Dak-Tum và sau đó năm 1856, Linh mục Hoà từ vùng dân tộc Pnong (Dak-Lak) về Rôhai, làm Phó Linh mục Do và phụ trách điều hành Dak-Tum (được đổi tên là Kontum) cho đến năm 1861. Từ năm 1861 đến 1882, làng Kontum không có linh mục trực tiếp coi sóc, trực thuộc Rôhai. Từ năm 1882-1909: Linh mục Vialleton Truyền chính xứ Kontum. Xem thêm: *Echos de la Mission*, tháng 12/1947 và tháng 01/1948, tr. 7.

7. Xem: *Echos de la Mission*, ngày 15/8/1948.

chính vì lí do đó Linh mục Do đã tạo lập một làng mới gọi là Rơhai bên cạnh làng Breng này; còn người Kinh phần lớn phải khai khẩn vùng nông trại Dak-Kâm. Trong khi đó tại họ đạo Kontum vào giai đoạn mới tạo lập được Linh mục Hòa trực tiếp hướng dẫn cùng làm cùng sinh hoạt với anh em người dân tộc cũng như người Kinh.

Trong thời gian 1861-1888, sau khi Linh mục Hòa lâm bệnh nặng, thuyền chuyển về Ninh Hòa và qua đời (1861), họ đạo Kontum trực thuộc trở lại Trung tâm Truyền giáo Rơhai cho đến năm 1882, năm Linh mục Vialleton Truyền đến đảm trách họ đạo này. Nhưng nhờ tổ chức cũng như tinh thần đoàn kết của người dân tộc sẵn có, nhất là nhờ vị mục tử mới, Linh mục Vialleton Truyền, trực tiếp đặc trách họ đạo Kontum đã giải quyết cách khôn ngoan và kiên quyết những vấn đề của cả vùng Truyền giáo nên họ đạo nhỏ bé này vẫn vững tiến dù phải trải qua một giai đoạn cực kì khó khăn chung cả vùng truyền giáo.

Có thể nói trong giai đoạn này, hay nói chính xác hơn là trong cả giai đoạn từ năm 1851 – 1888, Hội Truyền giáo vùng dân tộc đã trải qua một thời kì khó khăn. Người ta không thể hiểu nổi được những vất vả, cực nhọc mà các vị thừa sai phải chịu đựng. Trong số 17 vị thừa sai Pháp và 5 vị thừa sai Việt Nam, 15 vị đã ngã gục mà thành quả đạt được không hơn

1.000 người tòng giáo. Cuộc truyền giáo như giẫm chân tại chỗ. Tuy nhiên, trong giai đoạn như bị cô lập hoàn toàn trong vùng rừng núi, thiếu thốn mọi thứ, nhất là thời gian phong trào Văn Thân (1885) tàn sát đạo tại Trung Châu và An Khê, các ngài đã đứng vững và đón nhận các tín hữu người Kinh thoát thân khỏi cảnh tàn sát chạy lên tá túc vùng Truyền giáo tại làng Kon Jơdreh, nhất là tại làng Kontum của Linh mục Vialleton Truyền. Làng Kontum, họ đạo Kontum nghĩa hiệp, rộng hai cánh tay đón nhận các anh em tín hữu người Kinh bị bắt bớ tại quê hương mình lên ẩn náu chờ ngày hồi hương. Chẳng những làng Kontum mà còn nhiều cụm dân cư người Kinh mới hình thành dần dần đông thêm anh em người Kinh và tạo lập thành làng Phương Nghĩa (từ năm 1870-1880), Trại Lý (vào năm 1874), Ngô Trang (1885) và những năm sau này như Phương Hòa (1903), Quý Phương (1904), Ruộng Lào (1933), v.v... Vấn đề người Kinh lên lập nghiệp sinh sống tại đây Trường Sơn giai đoạn đầu chỉ là vấn đề giải quyết tình thế cho một số người bị bắt làm nô lệ hoặc phải chạy nạn bắt đạo, nhưng dần dần nhiều vấn đề liên quan đến mục vụ và xã hội cũng như trong khung cảnh chính trị đã nảy sinh nhiều vấn đề khác cần được các vị Bề Trên giải quyết.

(Kì sau đăng tiếp)